

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2025/DS-PT

Ngày: 11/6/2025

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và bà Phan Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Phương My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2025/TLPT-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo; bản án dân sự phúc thẩm số 59/2023/DS-PT, ngày 13/3/2023 bị kháng nghị; Quyết định giám đốc thẩm số 15/2025/DS-GĐT, ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2025/QĐ-PT, ngày 01 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/QĐ-PT, ngày 18/4/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 60/QĐ-PT, ngày 06/5/2025; thông báo mở lại phiên tòa số: 594/TB-TA, ngày 27/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L: Bà Trần Thị Tuyết L1, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Lê Thị L: Luật sư Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Số C, Nguyễn Huệ A,

khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Công ty L5, thuộc Đoàn luật sư A1 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh H (Út T1), sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1950; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (chết, trích lục khai tử số 303/TLTK-BS).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị M gồm:

3.1.1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1952; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.1.2. Bà Trần Thị Ngọc T2, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ A, khóm X, thị xã T, tỉnh An Giang; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.1.3. Ông Trần Văn D, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số G, P, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.1.4. Bà Trần Thị Ngọc T3, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.1.5. Ông Trần Hiền P, sinh năm 1983; nơi cư trú: H, Khu K, phường P, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.1.6. Ông Trần Hiền T4, sinh năm 1985; nơi cư trú: A Đường D, KDC T, phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.2. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1954; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện theo ủy quyền của bà L2: Ông Lê Thanh H (Út T1), sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp B (văn bản ủy quyền ngày 26/4/2025).

3.3. Ông Lê Thành S, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

3.4. Bà Trần Thị Mỹ D1, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.5. Bà Trần Thị Bích N1, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.6. Cháu Huỳnh Trí B, sinh ngày 10/9/2021; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Người đại diện theo pháp luật cho cháu Huỳnh Trí B là bà Trần Thị Bích N1 sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.7. Bà Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Lê Thị Là L nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Lê Thị L (bà L) trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Bà Trần Thị D2 là mẹ bà Lê Thị L (đã chết ngày 01/02/2018), không để lại di chúc. Bà D2 có 05 người con bao gồm: Lê Thị M, Lê Thị L2, Lê Thanh S1, Lê Thành H1, Lê Thị L. Di sản của bà D2 là phần đất có diện tích 49,5m² thửa đất số 80, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02644 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp vào ngày 27/7/2001 mang tên Trần Thị D2); trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4, do bà L và bà Trần Thị Mỹ D1 (con gái bà L) đang sử dụng; theo bà L căn nhà này đã được bà D2 hứa cho D1 để ở và thờ cúng tổ tiên. Bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần đất nói trên theo pháp luật xin được nhận hiện vật, đồng ý trả phần thừa kế tính bằng tiền cho những đồng thừa kế khác.

Bị đơn ông Lê Thanh H (ông H) trình bày: Nguồn gốc đất, vào ngày 11/7/2001, bà Trần Thị D2 có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 49,5m² của ông Bùi Văn H2, bà Nguyễn Thị B1 và ông Bùi Văn D3 (con ông H2). Bà D2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) theo tờ bản đồ số 30, thửa đất số 80 ngày 27/7/2001. Năm 2001, ông H đứng ra thuê ông Lê Văn T5 xây dựng căn nhà cấp 4 cho bà D2 ở trên phần đất của bà D2 mua. Ông là người trả toàn bộ chi phí xây dựng căn nhà. Năm 2016, bà Lê Thị L có hỏi ông cho con là Trần Thị Mỹ D1 ở tạm và buôn bán. Sau khi bà D2 chết, ông H yêu cầu bà L trả lại căn nhà, nhưng bà L không thực hiện vì cho rằng, bà có một phần di sản và chi phí xây nhà là của bà D2 và đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên ông có đơn yêu cầu phản tố. Ông đồng ý chia di sản là diện tích đất 49,5m² và yêu cầu được nhận hiện vật, ông sẽ hoàn giá trị tài sản cho các đồng thừa kế. Còn đối với căn nhà cấp 4 ông H không đồng ý chia vì ông là người đứng ra trả tiền xây dựng. Ông yêu cầu bà Lê Thị L tháo dỡ mái che diện tích 7,8 m² theo sơ đồ hiện trạng ngày 03/6/2021 của Văn phòng Đ1 – Chi nhánh C, di dời vật, công trình kiến trúc, đồ đạc trong nhà trả lại căn nhà cho ông. Đồng thời yêu cầu Trần Thị Mỹ D1, Trần Thị Bích N1, cháu Huỳnh Trí B tháo dỡ, di dời vật, công trình kiến trúc, đồ vật ra khỏi nhà để trả lại căn nhà cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị M (bà M), Lê Thị L2 (bà L2) trình bày: Thống nhất gia đình có 05 anh, em gồm Lê Thị M, Lê Thị L2, Lê Thành S, Lê Thị L, Lê Thanh H. Khi còn sống bà Trần Thị D2 (mẹ của các bà) có mua diện tích đất 49,5m² (hiện đang tranh chấp), còn căn nhà cấp 4 là do ông Lê Thanh H bỏ tiền ra xây dựng. Bà M, bà L2 đồng ý cho ông Lê Thanh H ký phần thừa kế mà họ được hưởng.

- Ông Lê Thành S (ông S) trình bày: Thống nhất gia đình có 5 anh chị em gồm Lê Thị M, Lê Thị L2, Lê Thành S, Lê Thị L, Lê Thanh H, diện tích đất 49,5m² của mẹ tên Trần Thị D2 mua, còn căn nhà cấp 4 do em ông là Lê Thanh H xây dựng. Việc chia di sản thừa kế diện tích đất 49,5m², phần ông được hưởng ông đồng ý giao lại cho ông H. Nếu bà Lê Thị L nhận hiện vật và chia giá trị cho các đồng thừa kế thì ông yêu cầu được nhận một kỷ phần.

- Bà Trần Thị Mỹ D1 (bà D1) trình bày: bà sống cùng bà D2 từ năm 2002 – 2009, sau đó bà D1 đi học xa, đến năm 2014 sức khỏe bà D2 đã già yếu nên bà về ở cùng bà D2 để chăm sóc và có mở buôn bán tập hóa. Năm 2018, bà D2 chết, ông Lê Thanh H có yêu cầu bà D1 không được ở trong căn nhà này nữa nên bà Lê Thị L có làm đơn khởi kiện ông H về tranh chấp thừa kế. Bà sẽ chấp hành theo quyết định của Tòa án.

- Bà Trần Thị Bích N1 (bà N1) trình bày: Bà sống trong căn nhà này từ đầu năm 2022 để buôn bán văn phòng phẩm nuôi con nhỏ. Bà sẽ chấp hành theo quyết định của Tòa án.

- Bà Huỳnh Ngọc Đ (bà Đ) trình bày: Bà là vợ của ông Lê Thanh H, cho rằng căn nhà cấp 4 nói trên, là tài sản do vợ chồng bà Đ xây dựng. Bà Đ đồng ý với yêu cầu của ông H.

Người làm chứng: Ông Lê Văn T5 trình bày, vào năm 2001, ông có nhận xây nhà cho ông H, khi xây dựng có nghe nói diện tích đất là của mẹ ông H. Ông T5 nhận xây nhà với tổng số tiền là 75.000.000 đồng, khi nhận tiền có biên nhận, do ông H trực tiếp giao tiền cho ông T5, còn nguồn tiền thì ông không biết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, xét xử như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc chia diện tích đất 49,5 m². Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L trong việc chia căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Ngọc Đ.

- Xác định diện tích đất 49,5m² đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644 ngày 27/7/2001 cho bà Trần Thị D2 là di sản thừa kế do bà Trần Thị D2 để lại.

Xác định hàng thừa kế của cụ Trần Thị D2 gồm bà Lê Thị M, bà Lê Thị L2, bà Lê Thị L, ông Lê Thành S, ông Lê Thanh H. Các ông bà được hưởng mỗi người 1/5 kỷ phần bằng nhau của quyền sử dụng đất.

- Ông Lê Thanh H được quản lý sử dụng diện tích đất 49,5m², thuộc tờ bản đồ số 30, thửa số 80 đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644 ngày 27/7/2001 cho bà Trần Thị D2.

- Công nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị M, bà Lê Thị L2, ông Lê Thành S về việc giao kỷ phần được hưởng cho ông Lê Thanh H. Ông H được hưởng các kỷ phần của bà Lê Thị M, bà Lê Thị L2, ông Lê Thành S.

- Ông Lê Thanh H có trách nhiệm hoàn giá trị $\frac{1}{5}$ kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị L số tiền 49.500.000 đồng.

- Buộc bà Lê Thị L, bà Trần Thị Mỹ D1, bà Trần Thị Bích N1, cháu Huỳnh Trí B (do bà Trần Thị Bích N1 là người đại diện theo pháp luật) tháo dỡ di dời

mái che, di dời vật, công trình kiến trúc, đồ vật trả lại căn nhà cho ông Lê Thanh H, bà Huỳnh Ngọc Đ.

- Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định (sơ đồ hiện trạng ngày 03/6/2021 của Văn phòng Đ1 - Chi nhánh huyện C là bộ phận không thể tách rời bản án).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST, ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 59/2023/DS-PT, ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử như sau:

Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về việc chia di sản thừa kế căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 49,5m².

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Thanh H và yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Ngọc Đ đối với căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 49,5m².

- Xác định di sản thừa kế của cụ Trần Thị D2 để lại gồm: Căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 49,5m², tờ bản đồ số 30, thửa số 80, loại đất ONT, số giấy chứng nhận 02644/iB ngày 27/07/2001, do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Trần Thị D2. Tổng giá trị di sản là 416.971.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn đồng), được chia đều cho các thừa kế theo pháp luật.

- Xác định hàng thừa kế của cụ Trần Thị D2 gồm: Bà Lê Thị M, bà Lê Thị L2, bà Lê Thị L, ông Lê Thành S và ông Lê Thanh H.

Các ông, bà đều được hưởng phần mỗi người 1/5 kỷ phần bằng nhau của di sản do cụ Trần Thị D2 để lại.

- Bà Lê Thị L được tiếp tục quản lý, sở hữu và sử dụng căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 49,5m², tờ bản đồ số 30, thửa số 80, loại đất ONT, số giấy chứng nhận 02644/iB ngày 27/07/2001, do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị D2.

Bà Lê Thị L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị di sản cho các đồng thừa kế, cụ thể:

- H3 giá trị di sản cho bà Lê Thị M, bà Lê Thị L2 mỗi người 1/5 kỷ phần giá trị di sản. Nhưng bà M, bà L2 tự nguyện giao kỷ phần được hưởng lại cho ông Lê Thanh H, ông Lê Thanh H đồng ý nhận kỷ phần được hưởng của bà Lê Thị M, bà Lê Thị L2. Như vậy, bà Lê Thị L có nghĩa vụ giao cho ông Lê Thanh H các kỷ phần được hưởng của bà Lê Thị M, bà Lê Thị L2 tổng số tiền 166.788.000 đồng.

- Hoàn giá trị di sản cho ông Lê Thanh H 1/5 kỷ phần được hưởng số tiền 83.394.000 đồng.

- Hoàn giá trị di sản cho ông Lê Thành S 1/5 kỷ phần được hưởng số tiền 83.394.000 đồng.

Buộc ông Lê Thanh H phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Lê Thị L một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 49,50 m², tờ bản đồ số 30, thửa số 80, loại đất ONT, số giấy chứng nhận 02644/iB ngày 27/07/2001, do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị D2 đứng tên, (bản chính).

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai biến động và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án dân sự phúc thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, tiền lãi nếu chậm thi hành án.

Ngày 05/4/2023 ông Lê Thanh H có đơn yêu cầu xem xét lại bản án dân sự phúc thẩm nói trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Theo Quyết định kháng nghị số 63/2024/KN-DS ngày 29/11/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm số 59/2023/DS-PT, ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 15/2025/DS-GĐT ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử như sau:

Chấp nhận kháng nghị số 63/2024/KN-DS ngày 29/11/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 59/2023/DS-PT, ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” giữa nguyên đơn bà Lê Thị L; bị đơn ông Lê Thanh H (Út Thòn) (và những người tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06 tháng 5 năm 2025:

Nguyên đơn bà Lê Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị L có ý kiến và xuất trình các tình tiết là chứng cứ mới như sau: Bản án dân sự phúc thẩm số 59/2023/DS-PT, ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị L đã yêu cầu Thi hành án và diện tích đất 49,5m² đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04840, ngày 30/01/2024 thửa đất số 80, tờ bản đồ số 30 mang tên Lê Thị L; đến ngày 05/2/2024 bà Lê Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho bên nhận chuyển nhượng là bà Trần Ngọc T6; ngày 15/11/2024 bà Trần Ngọc T6 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Trần Thị Tuyết L1 và hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04840, ngày 30/01/2024 diện tích 49,5m² thửa đất số 80,

tờ bản đồ số 30 đang được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 28/12/2024; Hợp đồng tín dụng số 977/24/HĐTD ngày 28/12/2024 giữa bên vay bà Trần Thị Tuyết L1, Nguyễn Phước L3 và bên cho vay Ngân hàng thương mại cổ phần () K – Chi nhánh A2. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị đơn ông H yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 49,5m² thửa đất số 80, tờ bản đồ số 30 giấy chứng nhận 02644/iB ngày 27/07/2001, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị D2, nhưng yêu cầu được nhận hiện vật, ông đồng ý trả phần thừa kế được tính bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Ngoài ra, ông H trình bày vào tháng 3/2025 bà Lê Thị M chết, ông H cung cấp trích lục khai tử của bà Lê Thị M và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị M là chồng và các con bà M bao gồm các ông, bà: Trần Văn N, Trần Thị Ngọc T2, Trần Văn D, Trần Thị Ngọc T3, Trần Hiền P, Trần Hiền T4.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Ngọc Đ thống nhất ý kiến ông H, không có ý kiến khác.

Ông Lê Thành S: Yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất 49,5m², phần ông được hưởng ông đồng ý giao lại cho ông H, để thờ cúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11 tháng 6 năm 2025:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn ông Lê Thanh H: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông nhận tài sản thừa kế của cụ Trần Thị D2 là hiện vật, đồng ý trả phần thừa kế được tính bằng tiền cho các đồng thừa kế khác, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đưa những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vào tham gia tố tụng, lý do tại sao bà L lại chuyển nhượng sang cho nhiều người mà ông không biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Thành S và bà Huỳnh Ngọc Đ đề nghị Hội đồng xét xử đưa những người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên vào tham gia tố tụng, lý do vì sao bà L chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên cho nhiều người khác, yêu cầu giữ lại tài sản thừa kế của cụ D2 cho ông H để thờ cúng.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M có gửi ý kiến bằng văn bản là không tranh chấp di sản thừa kế cụ D2.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại Quyết định giám đốc thẩm số 15/2025/DS-GĐT, ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố

Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 59/2023/DS-PT ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Như vậy, tại cấp phúc thẩm lần 2 do phát sinh các tình tiết mới, cần phải đưa Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, bà Trần Ngọc T6, bà Trần Thị Tuyết L1 và Ngân hàng TMCP K1 – Chi nhánh A2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì mới giải quyết triệt để vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 phúc xử: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST, ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt; thông báo số 01/TB-AT, ngày 14/5/2025 của Công ty L6 – Chi nhánh M1, huyện C có thông báo về việc đã kết thúc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Luật sư Bùi Quốc N2 đối với ông Lê Thanh H và bà Huỳnh Ngọc Đ. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Xét kháng cáo của bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Tài sản tranh chấp trong vụ án này gồm có: Phần đất có diện tích 49,5m² thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 30 tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 02644 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang cấp vào ngày 27/7/2001 cho bà Trần Thị D2; trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4, diện tích (4m x 12m) hiện do bà Lê Thị L và bà Trần Thị Mỹ D1 (là con gái bà Lê Thị L) sử dụng.

Các đương sự trong vụ án đều thống nhất cụ Trần Thị D2 chết ngày 01/02/2018, không để lại di chúc, cụ D2 có chồng là cụ Lê Văn K (chết năm 1986) và có chung 05 người con gồm các ông, bà: Lê Thị M, Lê Thị L2, Lê Thành S, Lê Thị L và Lê Thanh H là hàng thừa kế thứ nhất của cụ D2.

[2.2] Tại cấp phúc thẩm, ông H cung cấp trích lục khai tử số 303/TLTK-BS, ngày 18/4/2025 xác định bà Lê Thị M chết ngày 05/3/2025, đồng thời ông H có cung cấp những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà M gồm chồng và các con bà M bao gồm các ông, bà: Trần Văn N, Trần Thị Ngọc T2, Trần Văn D, Trần Thị Ngọc T3, Trần Hiền P, Trần Hiền T4. Cấp phúc thẩm đã đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị M theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, đồng thời các

ông, bà Trần Văn N, Trần Thị Ngọc T2, Trần Văn D, Trần Thị Ngọc T3, Trần Hiền P, Trần Hiền T4 có gửi ý kiến bằng văn bản về việc không có yêu cầu gì đối với tài sản tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Trần Thị D2.

[2.3] Nhận thấy, sau khi xét xử phúc thẩm bản án số 59/2023/DS-PT ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã có hiệu lực pháp luật, tại công văn số: 875/CV-THADS ngày 27/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới có nội dung: Ngày 05/4/2023 bà L có đơn yêu cầu Thi hành án, cùng ngày Chi cục Thi hành án đã ban hành các Quyết định thi hành án số 726/QĐ-CCTHADS và 727/QĐ-CCTHADS. Bà L đã nộp xong các khoản tiền, nhưng ông H, ông S không nhận và ông H cũng không giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644.QSD/iB ngày 27/7/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị D2 đứng tên cho bà L. Ngày 06/01/2023, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ban hành Công văn số 09/ĐN-CCTHADS gửi Ủy ban nhân dân huyện C và Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện C đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644.QSDĐ/iB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 27/7/2001 mang tên Trần Thị D2.

Ngày 23/10/2023 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2198/QĐ-UBND về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02644.QSDĐ/iB ngày 27/7/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị D2 đứng tên. Bà L đã tiến hành các thủ tục kê khai đăng ký Quyền sử dụng đất theo quy định và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số CH04840 ngày 30/01/2024 do bà Lê Thị L đứng tên và bà L cũng đã thi hành xong khoản tiền mà bà Lê Thị L phải hoàn giá trị cho bà Lê Thị M, Lê Thị L2, Lê Thanh H, Lê Thanh S1 mỗi người 1/5 giá trị di sản, với tổng số tiền 333.576.000 đồng. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới đã thông báo cho người ông H (nhận phần bà L2, bà M), ông S1 đến nhận tiền theo quy định, nhưng các đương sự không đến nhận. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới đã gửi tiết kiệm số tiền trên cho H, ông S1 theo quy định. Đồng thời, theo công văn số 51/CCNCM ngày 13/5/2025 của Văn phòng Đ1 chi nhánh C thể hiện: Ngày 19/2/2024 bà Lê Thị L đã chuyển nhượng diện tích đất 49,5m² cho Trần Ngọc T6 và được Văn phòng Đ1 chi nhánh C xác nhận trang 3 của giấy chứng nhận; ngày 15/12/2024 bà Trần Ngọc T6 đã chuyển nhượng diện tích đất 49,5m² cho bà Trần Thị Tuyết L1 được Văn phòng Đ1 chi nhánh C xác nhận trang 4 của giấy chứng nhận; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04840 đang đăng ký thế chấp tại Ngân hàng TMCP K1 chi nhánh A2 theo hồ sơ số 5641 ngày 30/12/2024 và tại công văn số 13 ngày 21/5/2025 của Ngân hàng thương mại cổ phần K1 – Chi Nhánh A2 thể hiện nội dung bà Trần Thị Tuyết L1 và ông Nguyễn Phước L3 đang vay số tiền 100.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng từng lần số 977/2024/HĐTD ngày 28/12/2024 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 977/2024/HĐTD ngày 28/12/2024 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K1 – Chi nhánh A2 với bà Trần Thị Tuyết L1, ông Nguyễn Phước L3; tài sản bảo đảm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DN 381189 số vào sổ cấp GCN CH04840, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/01/2024, cập nhật thay đổi ngày

05/12/2024. Hiện khoản vay chưa tất toán.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, tại Quyết định giám đốc thẩm số 15/2025/DS-GĐT, ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 59/2023/DS-PT ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm lần 2 do phát sinh các tình tiết là chứng cứ mới như đã phân tích nêu trên và khi giải quyết vụ án cần phải đưa Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, Ngân hàng TMCP K1 – Chi nhánh A2, bà Trần Ngọc T6, bà Trần Thị Tuyết L1, ông Nguyễn Hữu L4 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mới giải quyết được toàn diện vụ án. Tuy nhiên, việc phát sinh các tình tiết là chứng cứ mới nêu trên tại cấp phúc thẩm, không có lỗi của cấp sơ thẩm. Do không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

Do hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nội dung vụ án.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xem xét lại khi giải quyết vụ án sơ thẩm lại.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm để sơ thẩm xét xử lại, nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại theo quy định pháp luật.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV & THA,
- Tòa Dân sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Nữ Ngọc Lan